

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
TANH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2019/DS-ST
Ngày: 28-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10

- *Tanh phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng
2. Ông Vũ Ngọc Tiến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 633/2018/TLST-DSST ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thúy H, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 18B đường 3/2, Phường d, Quận k, Thành phố M.

- Bị đơn:

Ông R

Bà Phạm Thị Thu A

Cùng địa chỉ: 638/21 P, Phường K, Quận T, Thành phố M.

Các đương sự vắng mặt tại tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2018 và tại bản tự khai của nguyên đơn bà Hà Thúy H trình bày như sau:

Bà H có quen biết cũng như làm ăn chung với vợ chồng ông R và bà Phạm Thị Thu A. Ngày 16/12/2005 vợ chồng ông R và bà A có vay của bà H số tiền 20.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy vay tiền cùng ngày và cam kết hoàn trả trong thời gian là 06 tháng. Tuy nhiên, từ khi vay và nhận tiền cho đến nay ông R và bà A luôn cố tình né tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn không trả nên bà khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn thiếu là 20.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông R và bà A vắng mặt trong suốt quá trình tòa thụ lý và giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn vắng mặt, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: 16/12/2005 ông R và bà A có viết giấy vay tiền bà H nhưng hết thời hạn ông R và bà A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà H khởi kiện yêu cầu ông R và bà A trả số tiền còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: do bị đơn ông R và bà A cư trú tại Quận 10, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét giấy vay tiền ký tên Ông R nhưng tại giấy xác nhận ngày 28/7/2015 ông Hiêm xác nhận ông tên R và còn có tên là Ông R (Liêm) là một. Xét bị đơn ông R và bà A đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn bà Hà Thúy H là hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[4] Xét hình thức và nội dung của giấy vay tiền ngày 16/12/2005 xuất phát từ sự tự nguyện và không trái quy định của pháp luật, nên hợp đồng đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[5] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu, Hội đồng xét xử nhận thấy và phân tích như sau: căn cứ giấy vay tiền ngày 16/12/2005 có chữ ký ghi tên ông Trần Văn Hiêm và như phân tích tại phần [3] thì Hiêm là R và bà A xác nhận vay của bà H số tiền 20.000.000 đồng, hẹn trong 06 tháng sẽ trả. Quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai và biên bản không tiến Anh hòa giải được, bà H đều xác nhận ông R và bà A chưa trả cho bà bất kỳ khoản tiền nào gồm cả gốc và lãi. Mặt khác, ông R và bà A vắng mặt trong quá trình tòa giải quyết vụ án nhưng có giấy xác nhận ngày 28/7/2015 do ông R khai ông và bà A có nợ bà H nhưng do hoàn cảnh khó khăn không trả nợ nổi, ngoài ra không giao nộp các tài liệu chứng cứ nào khác. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “ Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Từ những phân tích trên có cơ sở xác định ông R và bà A còn nợ bà H số tiền 20.000.000 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 119, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông R và bà Phạm Thị Thu A thanh toán cho bà Hà Thúy H số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo giấy vay tiền ngày 16/12/2005.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi Anh còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi Anh án.

Án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 (một triệu) đồng, ông R và bà A chịu.

Trả lại cho bà Hà Thúy H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền số 0016824 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Nhân